

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2017/HSST

Ngày: 17/7/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Viết Hòa**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ninh Quốc Hòa

Ông Phạm Danh Quyền

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Bùi Quang Thế** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2017/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn H – (tên khác: H cá), sinh năm 1995 tại Đắc Lắc; HKTT: Thôn 2, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Thôn 2, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 06/12; con ông: Trần Văn N – không rõ năm sinh (đã chết) và bà Trịnh Thị T – SN: 1973; bị cáo chưa có vợ, con; bị cáo có 03 anh, chị em lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1995, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình.

Tiền án: Bản án số 123/2013//HSST ngày 23/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 02 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, hiện bị cáo chưa thi hành án.

Về nhân thân: Ngày 28/12/2012 bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Trung tâm giáo dục lao động và dạy nghề tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, đến ngày 21/06/2014 thì chấp hành xong;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, từ ngày 04/01/2017, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay.

2. Họ và tên: Hoàng Anh Q, sinh năm 1996 tại Bình Phước; HKTT: Thôn 2, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12;

con ông: Hoàng Thanh T – SN: 1971 và bà Phạm Thị B– SN: 1972; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị K – SN: 1996 và 01 người con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2017, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay.

3. Họ và tên: La Phúc H, sinh năm 1997 tại Bình Phước; HKTT: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: La Văn N – SN: 1974 và bà Nguyễn Thị Thúy H – SN: 1981; bị cáo có vợ là Phan Thị B kết hôn năm 2016, bị cáo có 01 người con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2017, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay.

4. Họ và tên: Nguyễn Trúc T - (tên khác: Tư), sinh năm 1990 tại Bình Phước; HKTT: Thôn 2, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Thợ chụp hình; trình độ văn hóa: 09/12; con ông: Nguyễn Hồng C - SN: 1959 và bà Nguyễn Thị T – SN: 1958; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không;

Về nhân thân: Ngày 12/8/2013 bị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước ra quyết định đưa vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Bình Phước, đến ngày 11/5/2015 thì chấp hành xong; bị bắt tạm giữ từ ngày 30/3/2017, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị Vân H, sinh năm : 1990. HKTT: thôn 2, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

2. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990, HKTT: thôn Tân 2, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị K, SN: 1996, HKTT: xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước (có mặt)

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Trần Văn H, La Phúc H, Hoàng Anh Q và Nguyễn Trúc T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ, ngày 04/01/2017, Nguyễn Trúc T cùng La Văn D đến nhà Trần Văn H chơi. Tại nhà của Trần Văn H có Hoàng Anh Q, La Phúc H và Nguyễn Ngọc T. Trần Văn H lấy ma túy cho tất cả cùng sử dụng.

Sau khi sử dụng ma túy xong Nguyễn Trúc T hỏi mua ma túy của Trần Văn H, cùng lúc này Trần Thị Vân H là bạn của Nguyễn Trúc T điện thoại hỏi Nguyễn Trúc T có ma túy không bán cho Trần Thị Vân H “1 góc 8”(đơn vị tính của các đối tượng nghiện ma túy). Do Nguyễn Trúc T không có ma túy nên Nguyễn Trúc T cho số điện thoại của Trần Thị Vân H để Trần Văn H trao đổi mua bán ma túy với nhau rồi cùng La Văn D đi về. Trần Văn H dùng điện thoại liên lạc với Trần Thị Vân H thì Trần Thị Vân H hỏi Trần Văn H bán 1 góc 8 ma túy giá bao nhiêu? Do Trần Thị Vân H là bạn với Nguyễn Trúc T nên Trần Văn H nói để hỏi lại Nguyễn

Trúc T trước đã. Sau đó, Trần Thị Vân H gọi điện thoại hỏi Nguyễn Trúc T giá 1 góc 8 ma túy giá bao nhiêu tiền, Nguyễn Trúc T trả lời là giá khoảng 1.100.000 đồng đến 1.200.000 đồng, Trần Thị Vân H nói từ trước đến giờ Trần Thị Vân H mua giá 1.000.000 đồng. Nghe vậy, Nguyễn Trúc T gọi điện lại cho Trần Văn H nói Trần Thị Vân H mua 1 góc 8 ma túy giá 1.000.000 đồng. Trần Văn H gọi lại cho Trần Thị Vân H nói đồng ý bán 1 góc 8 ma túy giá 1.000.000 đồng và hẹn địa điểm giao là tại quán cà phê N tại Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Nội dung các cuộc điện thoại giữa Nguyễn Trúc T và Trần Văn H có Hoàng Anh Q, Nguyễn Ngọc T và La Phúc H biết (vì lúc Trần Văn H nghe điện thoại mở loa ngoài). Sau đó, Trần Văn H rủ tất cả đến quán cà phê N uống nước. Khi đi, Trần Văn H lấy 01 bìch ma túy được quán băng keo màu đen do Trần Văn H mua của một người đàn ông tên C ở TP. Hồ Chí Minh (nhưng không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 600.000 đồng đưa cho Q cầm lên quán cà phê N dán ở quán trước, Q hỏi lại dán ở đâu? Trần Văn H nói dán ở đâu cũng được. Q điều khiển xe mô tô 93P1 – 80.790 mang theo bìch ma túy đến quán cà phê N dán trên thân cây dù dựng ở phía ngoài sát chòi lá trong cùng. Khi Q vừa dán ma túy xong, Trần Văn H điều khiển xe mô 48B1-37937 chờ La Phúc H cũng vừa đến quán. Riêng Nguyễn Ngọc T do xe bị hỏng nên không đi cùng. Sau khi đến quán cà phê N, La Phúc H lấy điện thoại của Trần Văn H gọi Trần Thị Vân H để giao ma túy. Lúc này Trần Thị Vân H cũng đã đến quán cà phê N, khi La Phúc H đang nhận số tiền 1.000.000 đồng của Trần Thị Vân H ở trong một chòi lá thì lực lượng Công an bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm:

Số tiền 1.000.000 đồng trên tay của Hậu và 01 điện thoại di động 1202; thu giữ trên thân cây dù dựng ở phía ngoài sát chòi trong cùng quán cà phê N 01 gói nylon hàn kín ba mặt, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá bên ngoài dán băng keo màu đen; thu giữ trên người Trần Văn H số tiền 1.700.000 đồng, 01 điện thoại di động HTC one max 803E có gắn sim 01637175279; thu giữ trên người Q 01 điện thoại Nokia 1280 có gắn sim 0984012364; thu giữ trên người Trần Thị Vân H 01 điện thoại di động Viettel màu đỏ đen số sim 01217240817. Ngoài ra còn thu giữ 01 xe mô tô wave màu cam, BKS: 48B1-37937, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Phan Thị T, BKS: 48B1-379.37 và 01 xe mô tô Sirius màu đỏ đen, BKS: 93P1-80790.

Theo Kết luận giám định số:15/GĐ-PC54 ngày 11/01/2017 của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu tinh thể gửi giám định có trọng lượng là 0,4606 gam có hàm lượng trung bình Methamphetamine là 64,59%. Tổng trọng lượng Methamphetamine trong 0,4606 gam mẫu là 0,2975 gam.

Tại Bản cáo trạng số 48/QĐ-KSĐT ngày 28 tháng 6 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước đã truy tố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Trúc T, La Phúc H, Hoàng Anh Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; **điểm p** khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 33; Điều 45 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Trần Văn H mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 Tổng hợp hình phạt 02 năm tù của Bản án số 123/2013/HSST ngày 23/8/2013 đối với Trần Văn H theo quy định.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; **điểm p** khoản 1 Điều 46; các Điều 33; Điều 45 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trúc T mức án 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; **điểm p** khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 33; Điều 45 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo La Phúc H mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù

Xử phạt bị cáo Hoàng Anh Q mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng của vụ án, kết luận giám định chất ma túy và các tài liệu, chứng cứ khác được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở đó đã xác định được:

Khoảng 10 giờ, ngày 04/01/2017, các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Trúc T, La Phúc H, Hoàng Anh Q cùng với Nguyễn Ngọc T, La Văn D sử dụng chất ma túy với nhau. Sau khi sử dụng ma túy xong thì Trần Thị Vân H là bạn của Nguyễn Trúc T điện thoại hỏi mua ma túy của Nguyễn Trúc T. Do Nguyễn Trúc T không có ma túy nên Nguyễn Trúc T cho Trần Văn H số điện thoại của Trần Thị Vân H để các bên trao đổi mua bán ma túy với nhau rồi cùng La Văn D đi về. Trần Văn H dùng điện thoại liên lạc với Trần Thị Vân H thì Trần Thị Vân H hỏi mua 1 góc 8 ma túy. Do Trần Thị Vân H là bạn với Nguyễn Trúc T nên thông qua Nguyễn Trúc T, Trần Văn H đã liên lạc và thống nhất bán cho Trần Thị Vân H số ma túy là 1 góc 8 với giá khoảng 1.100.000 đồng và hẹn địa điểm giao là tại quán cà phê N tại Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Nội dung tại các cuộc điện thoại trao đổi mua bán ma túy giữa Nguyễn Trúc T và Trần Văn H có Hoàng Anh Q, Nguyễn Ngọc T và La Phúc H biết. Sau đó, Trần Văn H rủ tất cả đến quán cà phê N uống

nước. Khi đi, Trần Văn H lấy 01 bìch ma túy đưa cho Q cầm lên quán cà phê N dán ở quán trước. Q điều khiển xe mô 93P1 – 80.790 mang theo bìch ma túy đến quán cà phê N dán trên thân cây dù dựng ở phía ngoài sát chòi trong cùng. Khi Q vừa dán ma túy xong, Trần Văn H điều khiển xe mô 48B1-37937 chở La Phúc H cũng vừa đến quán. Riêng Nguyễn Ngọc T do xe bị hỏng nên không đi cùng. La Phúc H lấy điện thoại của Trần Văn H gọi Trần Thị Vân H để giao ma túy. Trong lúc La Phúc H đang nhận số tiền 1.000.000 đồng của Trần Thị Vân H ở trong một chòi lá quán cà phê “N” thì lực lượng Công an bắt quả tang.

Theo Kết luận giám định số: 15/GĐ-PC54 ngày 11/01/2017 của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu tinh thể gửi giám định có trọng lượng là 0,4606 gam có hàm lượng trung bình Methamphetamine là 64,59%. Tổng trọng lượng Methamphetamine trong 0,4606 gam mẫu là 0,2975 gam.

Như vậy, các bị cáo Trần Văn H, La Phúc H, Hoàng Anh Q và Nguyễn Trúc T đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội **“Mua bán trái phép chất ma túy”** tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định “Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Hành vi của của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về cất giữ chất ma túy. Các bị cáo đều là người đã thành niên, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ nhận thức về tác hại của hành vi mua bán trái phép chất ma túy gây ảnh hưởng rất xấu đối với sức khỏe con người, làm cho nhiều gia đình lâm vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, là nguyên nhân trực tiếp gây ra nhiều tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Nhưng vì lợi ích của bản thân, các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội bất chấp sự nguy hiểm và sự trừng phạt của pháp luật.

Đối với bị cáo Trần Văn H là người có vai trò chính, ma túy của H mua trước đó để bán lại nhằm mục đích hưởng lợi. Bị cáo có nhân thân xấu, Ngày 12/8/2013 bị xử lý hành chính bằng hình thức đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 23/8/2013 bị kết án 02 năm tù về Tội cố ý gây thương tích, trong thời gian chưa chấp hành hình phạt lại tiếp tục phạm tội mới. Lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Hành vi phạm tội của bị cáo có tính nguy hiểm cao, thể hiện rõ thái độ coi thường pháp luật, không có thái độ ăn năn hối cải, không chịu tu dưỡng bản thân. Cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục bị cáo và cũng để phòng ngừa chung trong xã hội.

Các bị cáo còn lại đều có vai trò giúp sức cho bị cáo H: Trong đó, bị cáo Nguyễn Trúc T là người giúp sức trong giao dịch, thỏa thuận về giá cả mua bán ma túy giữa bị cáo Trần Văn H và Trần Thị Vân H... Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, ngày 12/8/2013 bị xử lý hành chính quyết định đưa vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và cũng để phòng, ngừa chung trong xã hội.

Đối với các bị cáo Hoàng Anh Q giúp sức cho Trần Văn H bằng cách mang ma túy đến quán cất giấu để giao cho người mua. Bị cáo La Phúc H giúp sức cho H liên hệ với người mua để nhận tiền bán ma túy nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của mình để giáo dục bị cáo.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS:

Các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Trúc T được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Hoàng Anh Q, La Phúc H được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung, các bị cáo đều không có công việc ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với Nguyễn Ngọc T không có hành vi giúp sức trong việc mua bán trái phép chất ma túy nên không xem xét xử lý.

Đối với Trần Thị Vân H mua chất ma túy của Trần Văn H để sử dụng CQĐT xử lý hành chính theo quy định nên HĐXX không xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, áp dụng pháp luật và mức hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Không

Về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy thu giữ được khi bắt quả tang được hoàn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu HTC one max 803E có gắn sim 01637175279 của Trần Văn H và 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu đỏ có gắn sim số 01217240817 của Trần Thị Vân H, quá trình điều tra đã chứng minh được các đối tượng dùng để liên lạc với nhau trong quá trình bán ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng là tiền của Trần Thị Vân H dùng mua ma túy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280 có gắn sim 0984012364 của Hoàng Anh Q và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 của La Phúc H không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho Hoàng Anh Q và La Phúc H .

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS: 93P1-807.90 là của bà Nguyễn Thị K là tài sản riêng mua trước khi kết hôn với Hoàng Anh Q. Bị cáo Hoàng Anh Q sử dụng xe vào việc phạm tội, bà K không biết. Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bà K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô wave màu cam, BKS: 48B1-37937 là xe của bà Phan Thị T bị mất trộm vào ngày 27/11/2016, tại xã T, huyện Đ , tỉnh Đắk Nông nên Cơ quan CSĐT tách ra bàn giao Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xác minh làm rõ xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với số tiền 1.700.000 đồng thu giữ của Trần Văn H không liên quan đến vụ án nên được trả lại.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Trúc T, Hoàng Anh Q, La Phúc H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 33; Điều 45 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn H - (tên khác: H Cá)** 04(bốn) năm tù.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù về tội “ Cố ý gây thương tích” theo bản án số 123/2013/HSST ngày 23/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo Trần Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 33; Điều 45 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trúc T – (tên khác: Tư)** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 33; Điều 45 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **La Phúc H** 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2017.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Anh Q** 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy đối với số ma túy thu giữ được khi bắt quả tang được hoàn lại sau giám định;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước gồm: 01 điện thoại di động hiệu HTC one max 803E có gắn sim 01637175279 của Trần Văn H; 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu đỏ có gắn sim số 01217240817 và số tiền 1.000.000 đồng của Trần Thị Vân H.

Tuyên trả lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 có gắn sim 0984012364 đã qua sử dụng cho Hoàng Anh Q; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 không có nắp đậy ở phía sau đã qua sử dụng cho La Phúc H.

Trả lại số tiền 1.700.000 đồng cho Trần Văn H.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 về án phí, lệ phí các bị cáo **Trần Văn H, Hoàng Anh Q, La Phúc H và Nguyễn Trúc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng;**

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Viết Hòa

